

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **6102** /UBND-KTN  
V/v báo cáo tổng kết công tác  
năm 2023, triển khai phương  
hướng, nhiệm vụ công tác  
năm 2024 ngành tài nguyên  
và môi trường

Quảng Ngãi, ngày **01** tháng **12** năm 2023

Kính gửi:

- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 6628/STNMT-VP ngày 28/11/2023 về việc báo cáo tổng kết công tác năm 2023, triển khai phương hướng, nhiệm vụ công tác năm 2024 ngành tài nguyên và môi trường, Chủ tịch UBND tỉnh có ý kiến như sau:

1. UBND các huyện, thị xã, thành phố báo cáo đánh giá kết quả công tác quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường năm 2023 (Báo cáo ngắn gọn, súc tích, tập trung vào các nội dung: kết quả nổi bật, tồn tại, hạn chế và khó khăn, vướng mắc, có các chỉ số, số liệu đánh giá, bảng biểu so sánh với năm 2022), phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm 2024; đồng thời cung cấp số liệu cụ thể theo các lĩnh vực quản lý của ngành tài nguyên và môi trường tại địa phương (*mẫu báo cáo số liệu Phụ lục kèm theo*); gửi Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 06/12/2023.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường theo chức năng, nhiệm vụ tổng hợp báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường theo đúng quy định; thời hạn hoàn thành trước ngày 10/12/2023./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: CVP, PCVP, CB-TH;
- Lưu: VT, KTN1402.



**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Trần Phước Hiền**

**Phụ lục 01: Kết quả tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính trong ngành tài nguyên và môi trường**  
(Kèm theo Công văn số **6102** /UBND/UBND ngày **01** tháng **12** năm 2023 của UBND tỉnh)



STT	Nội dung	Tổng số hồ sơ	Hình thức tiếp nhận và giải quyết			Kết quả xử lý	
			Trực tiếp	Trực tuyến	Thanh toán điện tử	Đúng hạn	Quá hạn
1	Lĩnh vực đất đai						
2	Lĩnh vực khoáng sản						
3	Lĩnh vực tài nguyên nước						
4	Lĩnh vực môi trường						
5	Lĩnh vực biển và hải đảo						
6	Lĩnh vực đo đạc và bản đồ						
	<b>Tổng số</b>						

\* Số liệu bao gồm cả của cấp tỉnh và cấp huyện

**Phụ lục 02: Nguồn thu từ tập đoàn và môi trường đóng góp vào Ngân sách Nhà nước**  
*(Kèm theo Công văn số 6402/UBND-KTN ngày 01 tháng 12 năm 2023 của UBND tỉnh)*



STT	Nội dung	Kết quả thực hiện	
		Tổng thu (Tr đồng)	Tỷ trọng trong tổng thu NSNN địa phương (%)
1	Lĩnh vực đất đai		
2	Lĩnh vực khoáng sản		
3	Lĩnh vực tài nguyên nước		
4	Lĩnh vực môi trường		
5	Lĩnh vực biển và hải đảo		
6	Lĩnh vực khí tượng thủy văn		
7	Lĩnh vực đo đạc và Bản đồ		
8	Thu từ cung cấp dịch vụ công trong lĩnh vực TN&MT		
	<b>Tổng số</b>		



**Phụ lục 03: Kết quả thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra**

*(Kèm theo Công văn số **6102** UBND/AN ngày **01** tháng **12** năm 2023 của UBND tỉnh)*



STT	Nội dung	Số trong (đoàn/cuộc)	Kết quả xử lý/kiến nghị xử lý sau thanh tra, kiểm tra				Truy thu nghĩa vụ tài chính	Hình thức xử lý khác
			Thu hồi đất (ha)	Thu hồi giấy phép	Xử phạt vi phạm hành chính (Tr đồng)			
<b>1</b>	<b>Kết quả công tác thanh tra (*)</b>	-	Lĩnh vực đất đai					
		-	Khoáng sản					
		-	Tài nguyên nước					
		-	Môi trường					
		-	Biển và hải đảo					
		-	.....					
<b>2</b>	<b>Kết quả công tác kiểm tra (*)</b>	-	Lĩnh vực đất đai					
		-	Khoáng sản					
		-	Tài nguyên nước					
		-	Môi trường					
		-	Biển và hải đảo					
		-	<b>Tổng số</b>					

\* Số liệu bao gồm cả của cấp tỉnh và cấp huyện



**Phụ lục 04: Kết quả thực hiện công tác giải quyết đơn thư, khiếu nại, tố cáo\***  
 (Kèm theo Công văn số **6102** /UBND-KTN ngày **01** tháng **12** năm 2023 của UBND tỉnh)



STT	Nội dung	Số lượng đơn thư tiếp nhận năm 2023		Số lượng đơn thư còn tồn đọng từ các năm trước	Tổng số đơn thư phải xử lý lũy kế đến 2023	Kết quả giải quyết		Số lượt tiếp công dân
		Số lượng	Đơn phải xử lý			Số lượng	Chuyên cấp có thẩm quyền	
-	Tổng số							
-	Lĩnh vực đất đai							
-	Khoáng sản							
-	Tài nguyên nước							
-	Môi trường							
-								

\* Số liệu bao gồm cả của cấp tỉnh và cấp huyện



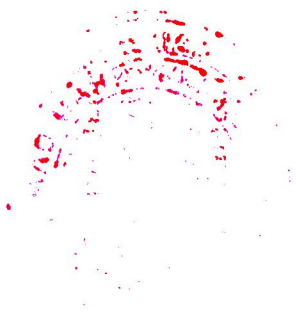


**Phụ lục 05: Kết quả giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, cấp GCN**  
(Kèm theo Công văn số **6102** UBND-KV ngày **01** tháng **12** năm 2023 của UBND tỉnh)



STT	Chỉ tiêu	Diện tích (ha)		
		Tổng	Sử dụng vào mục đích nông nghiệp	Sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp
I	Giao đất không thu tiền sử dụng đất			
II	Giao đất có thu tiền sử dụng đất			
III	Cho thuê đất			
IV	Cho phép chuyển mục đích Từ nông nghiệp sang phi nông nghiệp			
1	<b>Đất trồng lúa</b>			
2	<b>Đất rừng</b>			
2.1	Rừng phòng hộ			
2.2	Rừng đặc dụng			

\* Số liệu bao gồm cả của cấp tỉnh và cấp huyện



**Phụ lục 06: Kết quả cấp GCN Quyền Sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất, xây dựng CSDL đất đai**

(Kèm theo Công văn số **6104** UBND-KEN ngày **01** tháng **12** năm 2023 của UBND tỉnh)



STT	Chỉ tiêu	Lũy kế đến thời điểm báo cáo năm 2023		Trong đó: cấp mới lần đầu	Số giấy cấp mới lần đầu	Ghi chú
		Diện tích cần phải cấp giấy	Diện tích đã hoàn thành cấp giấy			
<b>I Kết quả cấp giấy chứng nhận</b>						
1	Đất nông nghiệp					
2	Đất phi nông nghiệp					
	Trong đó: Đất ở					

II	Kết quả xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu đất đai	Số huyện lũy kế đến thời điểm báo cáo năm 2023				Ghi chú
		Tổng số	Trong đó: Đã kết nối với dữ liệu dân cư	Đã cung cấp dịch vụ công	Kết nối liên thông với Thuế và tổ chức tín dụng	
1	Số đơn vị hành chính cấp huyện đã hoàn thành và đưa vào vận hành					
	Đã đưa vào khai thác trong quản lý và cung cấp dịch vụ công					
	Dự kiến hoàn thành trong năm 2022					
2	Số đơn vị hành chính cấp huyện đang triển khai					



**Phụ lục 07: Kết quả thực hiện các chỉ tiêu về môi trường cấp tỉnh**  
(Kèm theo Công văn số **6102** **UBND-XÂY** ngày **01** tháng **12** năm 2023 của UBND tỉnh)



STT	Chỉ số	Đơn vị tính	Kết quả		Tăng, giảm so với năm 2022
			Số lượng	Tỷ lệ (%)	
1	Số đô thị (loại IV trở lên) có hệ thống xử lý nước thải tập trung	Đô thị			
2	Số khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao có hệ thống xử lý nước thải tập trung	Khu			
	Số nguồn thải có hệ thống quan trắc tự động liên tục	Cơ sở			
	Trong đó, số KCN, KCX, KCNC có hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục	Khu			
4	Cụm công nghiệp có kết nối hạ tầng thu gom và xử lý nước thải tập trung	Cụm			
5	Số cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng hoàn thành xử lý triệt để	Cơ sở			
6	Chất thải rắn phát sinh trên địa bàn	Tấn			
6.1	Chất thải rắn sinh hoạt đô thị phát sinh	Tấn			
-	Trong đó, được xử lý thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn	Tấn			
-	Được xử lý theo hình thức xử lý, tái chế, đốt rác phát điện, công nghệ sinh học..	Tấn			
6.2	Chất thải rắn sinh hoạt nông thôn	Tấn			
	Trong đó, được xử lý thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn	Tấn			
	Được xử lý theo hình thức xử lý, tái chế, đốt rác phát điện, công nghệ sinh học..	Tấn			
7	Số lượng các trạm quan trắc nước thải/khí thải tự động, liên tục	Trạm			

8	Số lượng vụ việc vi phạm pháp luật về môi trường đã phát hiện và được xử lý	Vụ việc		
	Trong đó: Giải quyết vụ việc được phản ánh thông qua đường dây nóng về môi trường			
	Số lượng vụ việc được phản ánh, kiến nghị	Vụ việc		
	Số lượng vụ việc đã được giải quyết dứt điểm	Vụ việc		
9	Số huyện đạt tiêu chuẩn về môi trường nông thôn mới			
10.	Công tác bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học			
10.1.	Khu Bảo tồn			
	Số lượng	Khu		
	Diện tích	Ha		
10.2.	Di sản thiên nhiên			
	Số lượng	Khu		
	Diện tích	Ha		
10.3.	Hành lang đa dạng sinh học			
	Số lượng	Khu		
	Diện tích	Ha		
10.4.	Cơ sở bảo tồn			
	Số lượng	Khu		
	Diện tích	Ha		

**Phụ lục 08: Kết quả giải khu vực biển (đối với các địa phương có biển)**  
 (Kèm theo Công văn số **6302/UBND-ATN** ngày **01** tháng **12** năm 2023 của UBND tỉnh)



STT	Mục đích sử dụng	Thẩm quyền giao khu vực biển		
		Thủ tướng Chính phủ	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Địa phương
1	An ninh, quốc phòng			
2	Khai thác điện gió ngoài khơi			
3	Thực hiện dự án cảng biển, logistic			
4	Nuôi trồng thủy sản			
5	Mục đích khác			
	<b>Tổng</b>			